TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2026/DS-ST
Ngày: 29/4/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Chí Tâm**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tuân**;

Bà **Lê Thị Ngọc Châu**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Ngọc Châu** - Kiểm sát viên

Trong các ngày 24 và ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 520/2025/TLST-DS, ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2026/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2026/QĐST-DS, ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn C;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn T – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc D – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh C. Theo văn bản ủy quyền số: 249/GUQ-C ngày 23/4/2024. Địa chỉ: số A, đường T, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc D là anh Bùi Trí S, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Số A, đường T, phường C, Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Phạm Thị D1, sinh năm 1984;

2.2. Ông Phan Văn N, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

(Người đại diện nguyên đơn có mặt, các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn C, đại diện theo ủy quyền là anh Bùi Trí S trình bày:

Căn cứ hợp đồng vay vốn ngày 29/10/2020, bà Phạm Thị D1 có vay của Tổ chức tài chính vi mô C – Chi nhánh C (C) số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Mục đích vay vốn: Làm vườn. Thời hạn vay: 40 tuần. Bên vay trả nợ gốc định kỳ 01 tuần một lần, kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 09/11/2020, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 09/8/2021. Lãi suất cho vay là 0,1%/tuần. Một tuần bà D1 sẽ thanh toán tiền gốc và lãi 1 lần, số tiền phải đóng là 255.000 đồng. K cuối cùng sẽ là số tiền 455.000 đồng.

Chồng bà Phạm Thị D1 là ông Phan Văn N có ký cam kết bảo lãnh.

Bà D1 đã thanh toán được số tiền là 9.167.349 đồng. Còn nợ lại Tổ chức tài chính vi mô C số tiền là 1.232.651 đồng.

Hợp đồng vay vốn ngày 29/10/2020 của bà D1 đã hết hạn vào ngày 09/8/2021, Tổ chức tài chính vi mô C cũng đã hoàn thành xong việc đáo hạn. Phía bà D1 và ông N vẫn chưa hoàn tất khoản nợ vay cho Tổ chức tài chính vi mô C. Số tiền còn nợ là 1.232.651 đồng vẫn chưa thanh toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tổ chức tài chính vi mô C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Phạm Thị D1 và ông Phan Văn N phải có trách nhiệm liên đới trả cho Tổ chức tài chính vi mô C số tiền còn lại là 1.232.651 đồng.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Tổ chức Tài chính Vi mô Trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Phan Văn N liên đới trả nợ vay, không yêu cầu ông Phan Văn N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản nợ của bà Phạm Thị Diễm . Chỉ yêu cầu Phạm Thị Diễm T1 số tiền còn nợ trên.

- Bị đơn bà Phạm Thị D1 và ông Phan Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã được triệu tập để mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà Phạm Thị D1 và ông Phan Văn N không tham gia trong suốt quá trình tố tụng cũng như không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Toà án.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Đề nghị vay vốn ngày (bản photo); Cam kết bảo lãnh (bản photo); Sổ hộ khẩu (bản photo); Giấy chứng nhận hộ cận nghèo (bản photo); Hợp đồng vay vốn ngày 29/10/2020 (bản photo); Giấy ủy quyền ngày 24/4/2024 (bản photo); Quyết định thành lập chi nhánh C số 627/QĐ-C, ngày 08/9/2017 (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản photo); BB giao vốn (bản photo); Danh sách cho vay (bản photo); Danh sách đề nghị duyệt vay (bản photo).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Phạm Thị D1 phải có nghĩa vụ trả cho Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm với số tiền còn nợ là 1.232.651đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tại phiên tòa nguyên đơn Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (sau đây gọi tắt là Tổ chức C) xác định chỉ khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị D1 có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay vốn ngày 29/10/2020, không yêu cầu ông Phan Văn N liên đới trả nợ và không yêu cầu ông N phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản nợ của bà D1. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Phạm Thị D1 và ông Phan Văn N có địa chỉ tại Tổ F, ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự nhưng bà Phạm Thị D1 và ông Phan Văn N vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Mặt khác bà Phạm Thị D1 và ông Phan Văn N cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả nợ của mình. Như vậy bà Phạm Thị D1 và ông Phan Văn N đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Tại đơn khởi kiện Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm yêu cầu buộc bà Phạm Thị D1 và ông Phan Văn N phải có trách nhiệm liên đới trả cho Tổ chức tài chính vi mô C số tiền còn lại là 1.232.651 đồng. Tại phiên phiên tòa hôm nay nguyên đơn Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà Phạm Thị Diễm T1 tiền vay còn nợ là 1.232.651 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung vụ án: Tổ chức C yêu cầu bà Phạm Thị D1 phải trả cho Tổ chức C số tiền vay còn nợ là 1.232.651 đồng; Hội đồng xét xử nhận định:

[5.1] Kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng vay vốn ngày 29/10/2020 có chữ ký và ghi họ tên của bà Phạm Thị D1; Hợp đồng vay vốn ngày 29/10/2020 thể hiện nội dung thỏa thuận vay số tiền 10.000.000 đồng, mục đích vay vốn là làm vườn, thời hạn vay là 40 tuần, bên vay trả nợ gốc và lãi định kỳ 01 tuần một lần, kỳ trả gốc đầu tiên là ngày 09/11/2020, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 09/08/2021, lãi suất cho vay là 0.1%/tuần, số tiền phải trả vào cuối mỗi kỳ là 255.000 đồng, kỳ cuối cùng sẽ là số tiền 455.000 đồng, hợp đồng có đầy đủ chữ ký của bên vay cũng như chữ ký và con dấu của bên cho vay; Danh sách đề nghị vay vốn, danh sách cho vay có chữ ký và ghi họ tên của bà Phạm Thị D1 thể hiện vay số tiền 10.000.000 đồng. Vì vậy, có cơ sở xác định hợp đồng vay vốn ngày 29/10/2020 giữa Tổ chức C (Chi nhánh C) và bà Phạm Thị D1 vay số tiền 10.000.000 đồng là có thật.

[5.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Phạm Thị D1 đã trả được số tiền 9.167.349 đồng; Hợp đồng vay vốn ngày 29/10/2020 đã hết hạn vào ngày 09/8/2021, nhưng bà D1 vẫn chưa thanh toán số nợ còn lại; X thấy tại điểm d khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng vay vốn ngày 29/10/2020 quy định: *"...Khởi kiện khi bên vay vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn theo quy định của pháp luật..."*. Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định bà D1 đã thanh toán được cho Tổ chức C số tiền 9.167.349 đồng, còn nợ lại 1.232.651 đồng.

[5.3] Vì vậy, việc Tổ chức C khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị D1 có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ là 1.232.651 đồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, buộc bà Phạm Thị D1 có nghĩa vụ trả cho Tổ chức tài chính vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm số tiền 1.232.651 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 tương ứng Điều 100 và 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Tổ chức C được chấp nhập nên bà D1 phải chịu án phí theo quy định. Tổ chức C không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 tương ứng Điều 100 và 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổ chức Tài chính Vi mô trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm. Buộc bà Phạm Thị D1 có trách nhiệm trả cho Tổ chức Tài chính Vi mô Trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm số tiền vay là 1.232.651 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi mốt đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Phạm Thị D1 có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Tổ chức Tài chính Vi mô Trách nhiệm hữu hạn một thành viên cho người lao động nghèo tự tạo việc làm không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006900 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Đồng Tháp;
- TAND Tỉnh;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Tâm